

Bản án số: 08/2018/HSST
Ngày 07/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH – TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Doanh

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên toà:

Bà Trần Hoàng Phượng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 03/2018/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xử số 03/2018/HSST-QĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với Bị cáo:

Họ và tên: Mai Đức L - Sinh ngày: 12/5/2000

Nơi cư trú: Xóm 13 - Xã V - Huyện T - Tỉnh Nam Định.

Nghề nghiệp: Không

Trình độ văn hóa: 7/12

Bố đẻ: Mai Văn T – Sinh năm: 1971 (đã chết)

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N – Sinh năm: 1980

Hiện đang đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan.

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trực Ninh từ ngày 04/01/2018.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Mai Đức L: Bà Hoàng Thị C (bà ngoại) của bị cáo L.

Trú tại: Xóm 13, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định bào chữa cho bị cáo Mai Đức L: Bà Phan Thị Tuyết Nhung - Văn phòng luật sư Trung Tâm thuộc đoàn luật sư tỉnh Nam Định.

Người Đại diện tổ chức xã hội tham gia Tố tụng: Ông Trần Văn V – Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1979

Trú tại: Xóm 13, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt bị cáo Mai Đức L, bà Hoàng Thị C, Bà Phan Thị Tuyết Nhung, Ông Trần Văn V; Vắng mặt người bị hại chị Nguyễn Thị L .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h00 ngày 03/6/2017 Mai Đức L đi bộ từ nhà ông Nguyễn Cao K (ông ngoại L) sang nhà chị Nguyễn Thị L (nhà ông K giáp nhà chị L) để xin mật khẩu wifi. Sang đến nhà chị L, L phát hiện một chiếc điện thoại di động Iphone 6S màu bạc để trên mặt kệ gỗ kê sát đầu giường ngủ đang cắm sạc pin. L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại, lợi dụng chị L không để ý, L len vào phòng ngủ rút dây sạc pin lấy chiếc điện thoại Iphone 6S bỏ vào túi quần đang mặc rồi đi về nhà ông K. Trên đường về nhà L tháo sim lắp trong điện thoại Iphone 6S của chị L vứt đi và tắt nguồn điện thoại. Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại của chị L, L kiểm tra điện thoại thì thấy điện thoại khóa máy bằng mật khẩu, khoảng 18h cùng ngày L đi bộ sang nhà chị L để dò hỏi xem chị L có nghi ngờ L không đồng thời tìm cách lấy mật khẩu điện thoại (L vẫn để điện thoại trong túi quần). Gặp chị L và ông C ở sân, L giải vờ hỏi chị L: “điện thoại Iphone của cô có cài Icloud không, cô đọc cho cháu cháu nhờ người tìm cho” chị L trả lời: “mất thì thôi không dùng nữa”. Sau đó L đi bộ đến nhà anh Nguyễn Văn V (chú họ của L, ở cạnh nhà ông K) để mượn xe máy của V (V không biết L mượn xe để đi bán điện thoại vừa trộm cắp). L đi xe máy của V đến cửa hàng sửa chữa điện thoại NH do anh Mai Văn H – SN: 1980 ở xóm 5 – xã X– huyện X– tỉnh Nam Định là chủ hiệu. L đưa cho anh H chiếc điện thoại Iphone 6S nhờ mở mật khẩu cho L và nói chiếc điện thoại của chị gái cho. Khi anh H vừa mở mật khẩu máy điện thoại xong thì L nói với anh H: “anh ơi em muốn bán chiếc máy này anh xem được bao nhiêu?” anh H xem máy và trả giá 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng). L đồng ý bán. Sau đó L mua của anh H 01 chiếc điện thoại Iphone 6 thường màu vàng giá 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng), anh H đưa lại cho L 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) tiền thừa bán máy điện thoại Iphone 6S của chị L. Kiểm tra thấy máy điện thoại bị nóng, anh H nói với L: “máy mày nóng, mai có vấn đề gì anh gọi thì mày ra đổi lại cho anh nhé” L đồng ý và cho anh H số điện thoại để liên lạc rồi cầm tiền ra về (Anh H không biết chiếc điện thoại do L trộm cắp).

Sáng ngày 04/6/2017 anh H gọi điện thoại cho L và nói: “ máy mày nóng, mày quay lại đổi cho anh, anh không mua nữa”. Đầu giờ chiều cùng ngày L đi đến cửa hàng điện thoại của anh H lấy lại chiếc điện thoại Iphone 6S đi tìm cửa hàng điện thoại để bán đồng thời đưa lại cho anh H chiếc điện thoại Iphone 6 thường màu vàng L mua của anh H. L cầm chiếc điện thoại Iphone 6S của bà L đến cửa hàng buôn bán, sửa chữa điện thoại VT do anh Phạm Văn T – SN: 1981 ở xã X – huyện X làm chủ. L bán cho anh T với giá 5.200.000đ (Năm triệu hai trăm nghìn đồng). L cầm số tiền trên quay lại cửa hàng điện thoại của anh H trả cho anh H 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) là tiền trước đó L mua chiếc điện thoại Iphone 6 thường màu vàng của anh H, còn nợ lại anh H 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng).

Sau khi mua chiếc điện thoại của L, anh T kiểm tra thì phát hiện máy bị nóng nên đã tiến hành sửa chữa, linh kiện (phần cứng) của chiếc điện thoại nói trên bị cháy nên anh Tuấn đã thay thế bằng linh kiện của một chiếc điện thoại khác.

Tối ngày 05/6/2017 do không có tiền tiêu sài, L đã mang chiếc điện thoại Iphone 6 thường màu vàng mua của anh H đến cửa hàng sửa chữa điện thoại của anh Nguyễn Văn C – SN: 1982 ở T.T Q – huyện G làm chủ bán với giá 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng). Số tiền này L đã tiêu sài hết.

Hiện Cơ quan CSĐT đã thu giữ được chiếc điện thoại Iphone 6S do anh Phạm Văn T giao nộp.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trục Ninh kết luận chiếc điện thoại Iphone 6S màu bạc đó qua sử dụng của chị Nguyễn Thị L có trị giá là 6.000.000đ.

CQCSĐT Công an huyện Trục Ninh đã tổ chức truy tìm chiếc sim lắp trong điện thoại Iphone 6S mà L vút đi trên đường nhưng không thu giữ được. Hiện đã trả chiếc điện thoại Iphone 6S cho chị Nguyễn Thị L. Gia đình Mai Đức L đã thỏa thuận bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), chị L không yêu cầu gì về bồi thường dân sự và có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho L. Gia đình L cũng đã trả cho anh Phạm Văn T 5.200.000đ là số tiền mà anh T đã mua máy điện thoại của L và anh H 800.000đ là số tiền L nợ anh H.

Sau khi phạm tội Mai Đức L đã 02 lần bỏ trốn khỏi địa phương bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Trục Ninh ra Quyết định truy nã. Ngày 26/9/2017 và ngày 04/01/2018 Mai Đức L ra đầu thú.

Tại cơ quan điều tra Mai Đức L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Cáo trạng số 04/KSĐT ngày 15 tháng 01 năm 2018, VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố bị cáo Mai Đức L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Mai Đức L – Bà Phan Thị Tuyết Nhung có ý kiến trình bày như sau:

- L phạm tội ở độ tuổi vị thành niên nhận thức còn hạn chế, thiếu sự chăm sóc của bố mẹ vì bố mất sớm, mẹ không ở nhà, L ở với ông bà ngoại nên đã có hành vi phạm tội. Sau khi L phạm tội ông ngoại đã đuổi đi nên đã gây khó khăn cho cơ quan điều tra, sau đó L đã về và ra đầu thú. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về những hành vi mà L đã gây ra.

- Về phía địa phương cũng chưa nâng cao trách nhiệm giáo dục tốt đối với bị cáo đang ở độ tuổi chưa thành niên.

Bà đề nghị với HĐXX, xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 – xử phạt: Cảnh cáo, không giam giữ đối với L.

Đại diện hợp pháp của bị cáo – Bà Hoàng Thị C trình bày: Bà nhất trí như ý kiến của Luật sư đã nêu ở trên, bố L chết sớm, mẹ cháu không ở nhà, L ở với ông, bà ngoại đã không thường xuyên dạy dỗ L được tốt nên L đã vi phạm pháp luật, nay L đã ăn năn, hối cải bà đề nghị HĐXX xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho L.

Đại diện tổ chức xã hội - Ông Trần Văn V: Đề nghị HĐXX xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho Mai Đức L.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS; điểm b,h,g,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60; Điều 69; Điều 74 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 299; Điều 328 BLTTHS năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Mai Đức L từ 04 (Bốn) tháng đến 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng (Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/01/2018 đến ngày 07/02/2018).

Trả tự do cho bị cáo Mai Đức L ngay tại phiên tòa.

Trách nhiệm dân sự không đặt ra

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an huyện Trục Ninh, Điều tra viên, VKSND huyện Trục Ninh, KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ như: Lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản định giá tài sản, biên bản thu giữ vật chứng.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ đã đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 03/6/2017 Mai Đức L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone 6S màu bạc của chị Nguyễn Thị L trị giá là 6.000.000đ.

[4] Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS là có căn cứ đúng pháp luật.

[5] Luật sư bào chữa cho bị cáo và người đại diện đã trình bày nêu trên: HĐXX thấy, bị cáo đã lấy điện thoại Iphone 6S màu bạc của chị Nguyễn Thị L rồi đưa đi bán lấy tiền tiêu sài, sau khi phạm tội bị cáo lại bỏ trốn gây cản trở cho công tác điều tra nên cũng chỉ giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Hành vi của Bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội: Trực tiếp xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân đã được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Hành vi của Bị cáo làm mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong quần chúng nhân dân, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây cản trở cho công tác điều tra. Do đó cần xử lý bị cáo bằng biện pháp pháp lý hình sự là cần thiết.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan cảnh sát điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại

cho người bị hại; Người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Gia đình bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. HĐXX áp dụng điểm b,h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nên áp dụng các Điều 69, 74 BLHS năm 1999 đối với bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, bị cáo phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX quyết định: Không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, nên áp dụng Điều 60 BLHS năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của C quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, vừa có tác dụng giáo dục C tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ QUYẾT ĐỊNH;

1. Tuyên bố bị cáo Mai Đức L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b,h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60; Điều 69, Điều 74 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Mai Đức L 04 (Bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo (Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/01/2018 đến ngày 07/02/2018), thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên sơ thẩm ngày 07/02/2018.

Áp dụng Điều 299; Điều 328 BLHS năm 2015. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Mai Đức L ngay tại phiên tòa.

2. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Mai Đức L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Mai Đức L, người đại diện bà Hoàng Thị C, Luật sư có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại chị Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 1 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 2 bản;
- Công an huyện: 2 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 1 bản;
- UBND xã V;
- Bị cáo: 1 bản;
- Người bị hại;
- Lưu HS
- Lưu: VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu